TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 12 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28- 6- 2023
V/v: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Thanh Sang
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Triệu Nghĩa.
2. Ông Phạm Minh Bạch.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức *tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Thu Lệ – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2022/TLST- HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc "*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2023, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 87/TB-TA, ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1999; địa chỉ: thôn P 2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

2. *Bị đơn:* Anh Lê Đức T2, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi;

Nguyên đơn có mặt và bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T1 trình bày: Chị với anh Lê Đức T2 có tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương vào tháng 01/2021, vợ chồng tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2021 tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà cha mẹ chị ở tỉnh Đắk Lắk; quá trình chung sống thì giữa chị và anh

T2 sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T2 chơi bời, không chí thú làm ăn, mà dùng toàn bộ tài sản chung để đánh bạc và có những lời lẽ xúc phạm cha mẹ chị. Sau đó anh T2 bỏ về quê Quảng Ngãi sống, bỏ mặc cho mình chị nuôi con nhỏ; anh Trung nhiều lần đe dọa gia đình chị. Ngày 21/10/2022 anh T2 lên Đắk Lắk lấy lý do thăm con, nhưng anh tự ý bắt con chung về Quảng Ngãi nuôi, trong lúc con mới 17 tháng tuổi và đang uống sữa mẹ. Chị nhiều lần yêu cầu anh T2 giao con cho chị chăm sóc vì cháu còn nhỏ, nhưng anh T2 không chịu giao; chị nhiều lần về Quảng Ngãi thăm con, nhưng anh Trung không cho chị gặp mà còn hâm dọa chị. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị đã khuyên can anh T2 nhiều lần nhưng anh T2 bỏ ngoài tai, chứng nào tật nấy, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có hướng khắc phục. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Đức T2.

Về con chung: Chị và anh T2 có 01 con chung tên Lê Trần Hoài A ngày 19/5/2021. Hiện tại anh T2 đã bắt con chung về nuôi. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/11/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Đức T2 trình bày: Anh T2 với chị Trần Thị Thanh T1 là tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 2021. Nguyên nhân mâu thuẫn anh đồng ý như chị T1 khai.Vợ chồng sống ly thân tháng 12/2021. Anh thừa nhận lỗi lầm, mâu thuẫn do anh gây ra; anh muốn chị T1 cho anh cơ hội để khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ chung sống; biện pháp khắc phục bằng cách anh lo làm ăn để lo cho vợ con mong muốn vợ anh cho anh thời gian để thay đổi; sau đó anh ôm con về cho chị T1 nuôi. Nay chị T1 yêu cầu ly hôn, anh T2 không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Trần Hoài A, sinh ngày 19/5/2021. Anh công nhận việc anh lên Đắk Lắk tự ý bắt con về khi con còn đang bú sữa mẹ cho đến nay về chị T1 không cho anh ôm con về Quảng Ngãi. Chị T1 có về quê Quảng Ngãi nhiều lần yêu cầu anh T2 giao con cho chị T1 chăm sóc và thăm nom con, nhưng anh không đồng ý. Trường hợp ly hôn, thì anh T2 yêu cầu được nuôi con chung, anh không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T2 khai không có

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T1 là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T1 được ly hôn anh Lê Đức T2; giao

con chung Lê Trần Hoài A, sinh ngày 19/5/2021 cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Ngoài ra, đương sự còn chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm chị Trần Thị Thanh T1 khởi kiện thì anh Lê Đức T2 đang cư trú tại thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T1 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn anh Lê Đức T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tại phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T2.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T1 và anh Lê Đức T2 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 04 tháng 5 năm 2021. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thanh T1 và anh Lê Đức T2 là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo trình bày của chị T1 thì sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc; thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do Trung chơi bời, không lo làm ăn, còn dùng toàn bộ tài sản của vợ chồng để đánh bạc và có những lười lẽ xúc phạm đến cha mẹ chị T1; chị T1 đã khuyên nhủ, động viên nhiều lần, nhưng anh T2 không thay đổi, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có hướng khắc phục. Giữa chị T1 và anh T2 đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Do đó, chị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T2. Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã động viên chị T1 về đoàn tụ với anh T2, nhưng chị T1 vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn anh T2. Bị đơn anh T2 cũng thừa nhận giữa anh và chị T1 có xảy ra mâu thuẫn, nhưng anh T2 không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ chung sống.

Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định: Mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định chị Trần Thị Thanh T1 và anh Lê Đức T2 có 01 con chung Lê Trần Hoài A, sinh ngày 19/5/2021. Khi ly hôn, chị T1 và anh T2 đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo điều kiện về mọi mặc cho con chung. Xét chị T1 có công việc ổn định, làm nghề quản lý xe khách Kim Anh, thu nhập mỗi tháng 16.000.000 đồng, còn anh T2 thu nhập không ổn định; xét hành vi của anh T2 khi cháu A còn nhỏ đang còn bú sữa mẹ, nhưng anh T2 tự ý trách con ra khỏi chị T1 và không cho chị T1 thực hiện quyền thiêng liêng của người mẹ là trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con của chị T1. Mặt khác, cháu A dưới 36 tháng phải được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng và chị T1 đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, căn cứ vào khoản 3, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị T1 được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Trần Hoài A, sinh ngày 19/5/2021.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Trần Thị Thanh T1 không yêu cầu anh Lê Đức T2 cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung:* Chị T1 và anh T2 trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] *Về nợ chung*: Chị Thu và anh Trung trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các điều 227, 228, 144, 147, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T1 được ly hôn anh Lê Đức T2.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Hoài A, sinh ngày 19/5/2021 cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T2 không cấp dưỡng cho con.

Anh Lê Đức T2 có quyền nghĩa vụ thăm con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T1 và anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T1 và anh T2 trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xét

5. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T1 phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do chị Thu đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003555 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niên yết theo quy định pháp luật;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Mộ Đức
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Sang